

Bản án số: 60/2024/DS-ST

Ngày: 20-09-2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Chung

2. Ông Nguyễn Tiên Chinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nông Văn Hội- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HĐVTS ngày 08 tháng 05 năm 2024 về: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 08 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; có mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đoàn, sinh năm 1975; vắng mặt

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N là hàng xóm láng giềng nên vợ chồng ông Đoàn có hỏi vay tiền bà để làm ăn. Ngày 21/08/2011 âm lịch (tức ngày 18/09/2011 dương lịch), bà cho vợ chồng ông Đoàn vay 50.000.000 đồng. Các bên có lập giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận 13%/năm. Thời hạn trả là khi nào bà cần thì vợ chồng ông Đoàn, bà N sẽ trả. Do cần tiền, bà đã nhiều lần sang nhà ông Đoàn yêu cầu vợ chồng ông Đoàn phải trả số tiền đã vay theo như đã thỏa thuận, nhưng ông

Đoàn không trả, xin khất, hẹn trả bà sau. Đến nay vợ chồng ông Đoàn mới trả được 2.000.000 đồng lãi, còn tiền gốc thì chưa trả được đồng nào. Vì vậy, bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả bà số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/10/2011 đến khi Tòa án tuyên án với mức lãi suất là 13%/năm. Việc vay mượn tiền giữa bà và vợ chồng ông Đoàn không liên quan gì đến chồng bà là Nguyễn Xuân Xuyên.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Giữa vợ chồng bà với bà Nguyễn Thị T là chỗ quan hệ hàng xóm láng giềng. Năm 2011, bà không nhớ ngày tháng, bà T mang 50.000.000 đồng đưa cho chồng bà là ông Nguyễn Văn Đoàn gửi để lấy lãi suất cao, khoảng 1.500 đồng đến 2000/triệu/ngày. Bà T yêu cầu ông Đoàn viết giấy vay tiền, ông Đoàn đồng ý, khi đó bà không có nhà, sau này ông Đoàn nói chuyện với bà thì bà mới biết. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất. Giấy vay tiền ban đầu chỉ do một mình ông Đoàn ký. Sau đó do bà T đi lại đòi nhiều lần, nhưng vợ chồng bà chưa có trả nên bà T bắt bà ký vào giấy vay tiền để nhận nợ. Vợ chồng bà đã trả cho bà T được 4.500.000 đồng tiền lãi. Nay bà T yêu cầu vợ chồng bà phải trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh là 13%/năm, bà không đồng ý. Vì giấy vay tiền chồng bà viết để làm tin, đảm bảo số tiền bà T gửi lấy lãi suất cao, thực tế vợ chồng bà không vay tiền của bà T. Khi bà T mang tiền đến nhà bà gửi, chồng bà T là ông Nguyễn Văn Xuyên không biết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đoàn, nhưng ông Đoàn không đến trụ sở Tòa án làm việc, không cung cấp cho Tòa án lời khai, tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; các bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N trả bà Nguyễn Thị T số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 10/2011 đến ngày 20/10/2024 với mức 10%/năm.

- Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa, các bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền đã vay là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, gọi chung là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân Xuyên là chồng bà Nguyễn Thị T, ông Xuyên trình bày khoản tiền bà T cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N vay không liên quan gì đến ông, ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án. Xét ông Nguyễn Xuân Xuyên không liên quan gì đến vụ việc nên Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng.

[2] Nội dung vụ án: Do có mối quan hệ hàng xóm láng giềng, ngày 18/09/2011 dương lịch (tức ngày 21/08/2011 âm lịch) bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn vay số tiền là 50.000.000 đồng để làm ăn. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền và ký tên, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Hai bên thỏa thuận miệng khi nào bà T cần thì vợ chồng anh Đoàn sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi. Do cần sử dụng đến tiền, bà T đã đi lại đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Đoàn, bà N chưa trả. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông Đoàn, bà N đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc chưa trả được đồng nào. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi cho đến khi Tòa án tuyên án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Khi bà Nguyễn Thị T và vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N lập Hợp đồng vay tài sản ngày 18/09/2011 các bên đều đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Căn cứ vào quy định trên, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả 50.000.000 đồng tiền gốc đã vay là có cơ sở, được chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Trong giấy vay tiền ngày 18/09/2011, các bên không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất, nhưng đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ*

*hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản”.* Trước khi khởi kiện bà Nguyễn Thị T đã đi lại đòi nhiều lần, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N mới trả được 2.000.000 đồng tiền lãi. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả lãi 13%/năm/nợ gốc. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đoàn phải trả tiền lãi từ tháng 10/2011 đến ngày Tòa án xét xử với mức 10%/năm/nợ gốc. Thời gian từ 18/09/2011 đến tháng 10/2011, bà T không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu của bà Nguyễn Thị T không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T là (50.000.000 đồng x 10%/năm x 12 năm 11 tháng 20 ngày) 64.597.100 đồng (làm tròn 64.597.000 đồng). Trừ đi 2.000.000 đồng tiền lãi bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Đoàn đã trả, bà N, ông Đoàn còn phải trả tiền lãi là 62.597.000 đồng.

[3.3] Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T là 112.597.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc và 62.597.000 đồng tiền lãi, theo giấy vay tiền ngày 21/08/2011 âm lịch (tức ngày 18/09/2011 dương lịch).

[4] Bà Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng bà không vay nợ của bà Nguyễn Thị T, nhưng chữ ký trong giấy vay tiền là do vợ chồng bà ký; vợ chồng đã trả được bà Nguyễn Thị T 4500.000 đồng tiền lãi, nhưng bà không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tại phiên đối chất, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại các phiên tòa, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt, nên ý kiến của bà Nguyễn Thị N không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải chịu 5.729.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị T 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008217 ngày 07 tháng 05 năm 2024.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T là 112.597.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc và 62.597.000 đồng tiền lãi, theo giấy vay tiền ngày 21/08/2011 âm lịch (tức ngày 18/09/2011 dương lịch).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đoàn, bà Nguyễn Thị N phải chịu 5.629.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị T 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008217 ngày 07 tháng 05 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Huân**